

DANH MỤC

BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ ÁP DỤNG TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC BẮC KHÁNH HÒA

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.. |
| 2 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác. |
| 3 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng; Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài ; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu |
| 4 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế nhưng được hoàn thuế (trừ cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam); Các tổ chức không hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ thuế. |
| 5 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. |
| 6 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký thông qua hồ sơ khai thuế, chưa có mã số thuế. |
| 7 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế |
| 8 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. – Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập |
| 9 | Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan thuế. |
| 10 | Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập |
| 11 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế, Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân, Thông báo mã số thuế |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | người phụ thuộc |
| 12 | Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý. |
| 13 | Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế |
| 14 | Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập. |
| 15 | Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi |
| 16 | Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến |
| 17 | Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Trừ đơn vị phụ thuộc. |
| 18 | Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Đối với đơn vị phụ thuộc. |
| 19 | Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. |
| 20 | Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã. |
| 21 | Khôi phục mã số thuế |
| 22 | Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn |
| 23 | Chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong trường hợp chia, sáp nhập, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất |
| 24 | Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất. |
| 25 | Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế trong trường hợp tách, sáp nhập tổ chức - Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập. |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 26 | Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) - Đối với đơn vị trước chuyển đổi. |
| 27 | Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi. |
| 28 | Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi |
| 29 | Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi |
| 30 | Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi. |
| 31 | Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi. |
| 32 | Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ |
| 33 | Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng |
| 34 | Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu |
| 35 | Khai thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh. |
| 36 | Khai thuế giá trị gia tăng dành cho dự án đầu tư |
| 37 | Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản |
| 38 | Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu. |
| 39 | Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn. |
| 40 | Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp |
| 41 | Khai thuế đối với đối với cá nhân kinh doanh khai thuế theo từng lần |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | phát sinh. |
| 42 | Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản |
| 43 | Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với doanh nghiệp có cá nhân chuyển nhượng vốn góp (không bao gồm chứng khoán) nhưng chưa khai thuế |
| 44 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế |
| 45 | Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với doanh nghiệp có cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nhưng chưa khai thuế |
| 46 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản |
| 47 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, trong trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp |
| 48 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp góp vốn bằng chứng khoán |
| 49 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công đối với thu nhập từ thưởng bằng cổ phiếu |
| 50 | Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) |
| 51 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn khi chuyển nhượng. |
| 52 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản tại Việt Nam |
| 53 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai tại Việt Nam; cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai tại Việt Nam |
| 54 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn (trừ chuyển nhượng chứng khoán). |
| 55 | Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng (trừ bất động sản) |
| 56 | Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công |
| 57 | Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế khi nhận chuyển nhượng vốn góp của cá nhân không cư trú |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 58 | Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với Công ty xổ số, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác. |
| 59 | Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế. |
| 60 | Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công |
| 61 | Khai thuế đối với cá nhân có tài sản cho thuê |
| 62 | Đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công |
| 63 | Khai thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán |
| 64 | Khai thuế năm đối với cá nhân làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp và hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm |
| 65 | Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên |
| 66 | Khai quyết toán thuế tài nguyên (trừ dầu thô, khí thiên nhiên). |
| 67 | Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản |
| 68 | Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản |
| 69 | Khai thuế bảo vệ môi trường đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản. |
| 70 | Khai thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa - Trường hợp than do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) quản lý và giao cho các đơn vị thành viên khai thác, chế biến và tiêu thụ. |
| 71 | Khai thuế tiêu thụ đặc biệt |
| 72 | Khai lệ phí môn bài |
| 73 | Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài |
| 74 | Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài |
| 75 | Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp |
| 76 | Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm |
| 77 | Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với tổ chức - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm. |
| 78 | Khai thuế đối với hãng hàng không nước ngoài |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 79 | Khai lệ phí trước bạ đối với tài sản là nhà, đất |
| 80 | Khai lệ phí trước bạ đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam |
| 81 | Khai lệ phí trước bạ đối với tài sản khác thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ (trừ nhà, đất và tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam) |
| 82 | Khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách Nhà nước |
| 83 | Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách Nhà nước |
| 84 | Thông báo (đăng ký) phương pháp tính thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài |
| 85 | Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu |
| 86 | Khai quyết toán thuế TNDN đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu |
| 87 | Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác |
| 88 | Khai quyết toán thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế giá trị gia tăng tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác |
| 89 | Đề nghị sử dụng hóa đơn tự in, đặt in |
| 90 | Báo cáo về việc nhận in hóa đơn/biên lai, cung cấp phần mềm tự in hóa đơn/biên lai; Báo cáo về việc truyền hoá đơn điện tử của tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hoá đơn điện tử |
| 91 | Mua hóa đơn do cơ quan thuế đặt in |
| 92 | Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn/mất, cháy, hỏng hóa đơn |
| 93 | Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử |
| 94 | Thông báo về hóa đơn, Biên lai thu tiền phí, lệ phí không tiếp tục sử dụng/ Thông báo kết quả hủy hóa đơn, Biên lai thu tiền phí, lệ phí |
| 95 | Thông báo về việc ủy nhiệm/chấm dứt ủy nhiệm lập hóa đơn, biên lai thu tiền phí, lệ phí |
| 96 | Cấp hóa đơn lẻ |
| 97 | Thông báo phát hành biên lai thu phí, lệ phí do cơ quan thu phí, lệ phí đặt in/tự in |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 98 | Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu tiền phí, lệ phí |
| 99 | Đăng ký số lượng, loại tem rượu dự kiến sử dụng trong năm/ Mua tem rượu |
| 100 | Báo cáo tình hình sử dụng tem rượu, quyết toán tem rượu và báo cáo mất tem rượu. |
| 101 | Đăng ký hủy và thông báo kết quả hủy tem rượu. |
| 102 | Đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan Thuế |
| 103 | Kê khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra. |
| 104 | Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, hoặc đối với trường hợp đang trong giai đoạn đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng đầu ra, hoặc bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư cùng với việc kê khai thuế giá trị gia tăng của hoạt động sản xuất kinh doanh; trường hợp xuất khẩu |
| 105 | Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp |
| 106 | Hoàn thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) |
| 107 | Hoàn thuế, phí nộp thừa đối với người nộp thuế sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chấm dứt hoạt động (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) |
| 108 | Hoàn các loại thuế, phí khác |
| 109 | Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA |
| 110 | Giảm thuế thu nhập cá nhân đối với đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn; do bị tai nạn; mắc bệnh hiểm nghèo. |
| 111 | Miễn, giảm thuế tài nguyên đối với tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên theo quy định tại Điều 9 Luật Thuế tài nguyên |
| 112 | Miễn hoặc giảm thuế tiêu thụ đặc biệt, tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp cho người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ theo quy định của pháp luật không có khả năng nộp thuế. |
| 113 | Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước. |
| 114 | Miễn, giảm thu tiền sử dụng đất |
| 115 | Miễn, giảm thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán ngừng kinh doanh |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 116 | Không tính tiền chậm nộp/Miễn tiền chậm nộp tiền thuế |
| 117 | Nộp dần tiền thuế nợ |
| 118 | Gia hạn nộp thuế |
| 119 | Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế |
| 120 | Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế |
| 121 | Khai bổ sung hồ sơ khai thuế |
| 122 | Thông báo phương pháp trích khấu hao tài sản cố định |
| 123 | Cấp giấy đề nghị xác nhận số thuế đã nộp ngân sách Nhà nước |
| 124 | Đề nghị điều chỉnh sai sót liên quan đến khoản nộp ngân sách Nhà nước. |
| 125 | Thông báo sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế/Thông báo tạm dừng, chấm dứt sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế. |
| 126 | Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi |
| 127 | Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân không kinh doanh thông qua hồ sơ khai thuế. |
